

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08 /01 /2018

V/v: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đỗ Cao Thế

2. Ông: Lê Văn Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên

Ngày 08 /01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2017, về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Tk 5, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
Có mặt.

2. *Bị đơn:* chị: Đỗ Thị Như N, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Tk 5, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hồng Đ trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Như N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Q vào ngày 20/5/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống ở Tk 5 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, chị N bỏ đi làm ăn xa, trước đây có về một vài lần

nhưng từ năm 2008 đến nay thì không trở về và cũng không có tin tức gì. Anh đã tìm kiếm địa chỉ của chị N nhưng không có kết quả, vì vậy, anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích. Nay anh Đ cho rằng chị N không còn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc gia đình, hiện nay đã bị mất tích, do vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị Như N.

Về con chung: anh và chị Ngọc có 01 con chung tên là Lê Thị Trà M, sinh ngày 14/02/1995, hiện nay đã trưởng thành nên không đặt vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị Như N hiện nay đã bị tuyên bố mất tích, không có mặt ở địa phương nên không đến tòa án để khai báo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho anh Lê Hồng Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị Như N ; về con chung: đã trưởng thành nên không giải quyết cấp dưỡng, nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy, căn cứ Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và thông báo phiên hòa giải cho chị Đỗ Thị Như N nhưng chị N không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2017 và Giấy triệu tập đến phiên tòa đối với

chị N nhưng chị không đến phiên tòa, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Xét quan hệ hôn nhân:

Theo sự thừa nhận của các đương sự, anh Lê Hồng Đ và chị Đỗ Thị Như N có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Q vào ngày 20/5/1994, như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận.

Nguyên đơn anh Đ cho rằng về tình cảm vợ chồng, không thể khắc phục được, bởi lẽ do chị N bỏ đi đã lâu, không quan tâm chăm sóc đến hạnh phúc gia đình, hiện anh không còn tình cảm với chị N, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa hình thức, do vậy anh cương quyết xin ly hôn với chị N. Tại Quyết định số 02/2017/QĐ-VDS ngày 09/8/2017 về việc tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã tuyên bố chị Đỗ Thị Như N hiện nay mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật; mặc dù chị N không có ý kiến trong hồ sơ nhưng qua các tài liệu mà tòa án thu thập được thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh Đ, chị N là đúng thực tế, tình trạng hôn nhân giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, chị N bỏ đi và đã bị tuyên bố hiện nay mất tích nên mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử qua xem xét toàn diện tình trạng hôn nhân của các đương sự đã đi đến thống nhất chấp nhận yêu cầu anh Đ, cho anh Đ ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung:

Theo tài liệu do Tòa án thu thập được và theo lời trình bày của anh Đ, thì anh chị có 01 con chung tên là Lê Thị Trà M, sinh ngày 14/02/1995, hiện nay cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu về cấp dưỡng cũng như nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Lê Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xét xử vắng mặt bị đơn chị Đỗ Thị Như N.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Lê Hồng Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị Như N.

2. *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 14/02/1995, đã trưởng thành đủ khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng, nuôi dưỡng con chung

3. *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm*: : Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Anh Lê Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001050 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Long